

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Xệt;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phước Thái, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phước Thái, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-6-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị Lê Thị N và anh Trần Văn H chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 14 ngày 13-9-2001. Sau khi cưới vợ chồng chị N anh H sinh sống tại khu phố Phước Thái, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm,

chăm sóc nhau, anh H thường uống rượu, không lo làm ăn. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị N và anh H có 01 con chung tên Trần Xuân N, sinh ngày 23-01-1998. Do con chung đã thành niên nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bản sao Giấy khai sinh của Trần Xuân N, bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân Lê Thị N và Trần Văn H, bản sao Sổ hộ khẩu Lê Thị N.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với chị N về thời gian chung sống, kết hôn. Trong thời gian sống chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, không phát sinh mâu thuẫn như ý kiến trình bày của chị N. Anh H cũng có uống rượu nhưng chỉ giao lưu với bạn bè, không phải thường xuyên uống rượu. Do vậy, trước yêu cầu ly hôn của chị N, anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Bị đơn anh Trần Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Xuân H.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 14 ngày 13-9-2001, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn chị Lê Thị N cho rằng trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không quan tâm, chăm sóc nhau; anh H thường uống rượu, không lo làm ăn. Về phía anh H không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vận động chị N, anh H cùng đoàn tụ gia đình chăm lo các con nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Việc anh H không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Trần Xuân N, sinh ngày 23-01-1998, hiện cháu Nhân đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N như sau:
 - Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Văn H.
 - Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036949 ngày 28-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp